



Bảng chứng kiểm toán

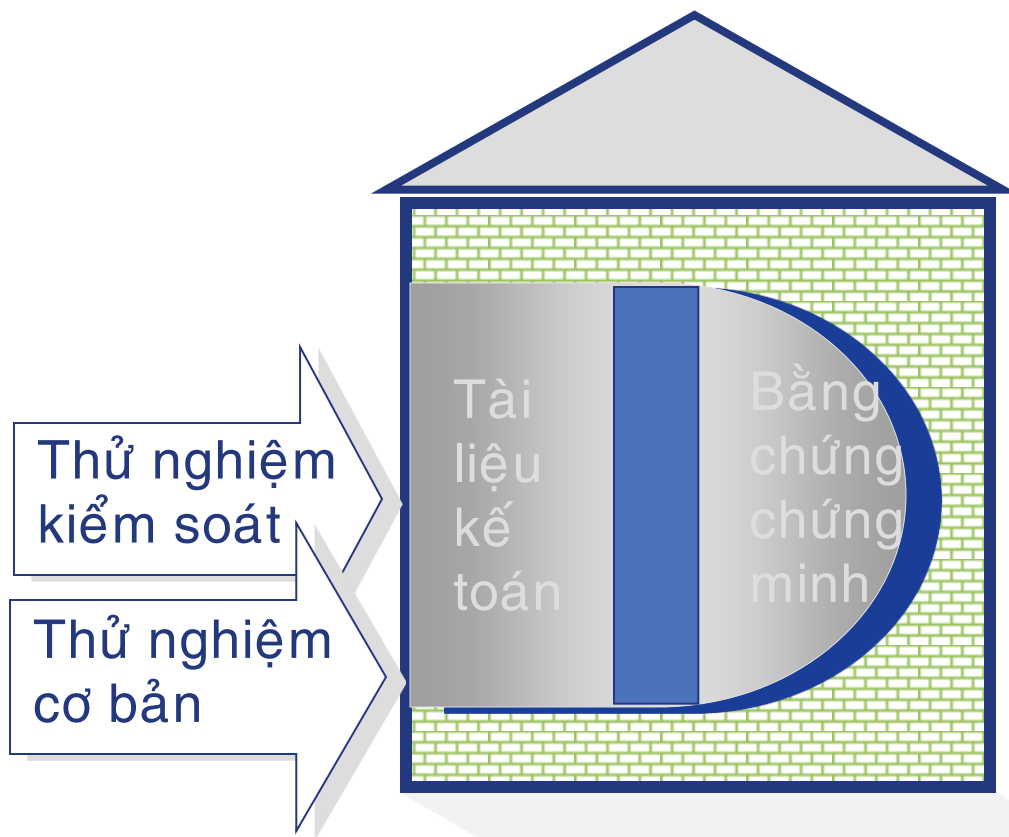
Mục đích

- Giúp người học hiểu rõ việc thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán.

Nội dung

- **Bảng chứng kiểm toán**
- Phương pháp lựa chọn các phần tử thử nghiệm
- Hồ sơ kiểm toán

Khái niệm bằng chứng



- ❖ Là thông tin, tài liệu chi tiết mà KTV thu thập để làm cơ sở cho ý kiến về BCTC

Yêu cầu của bằng chứng

Thích hợp

Phù hợp với mục tiêu kiểm toán

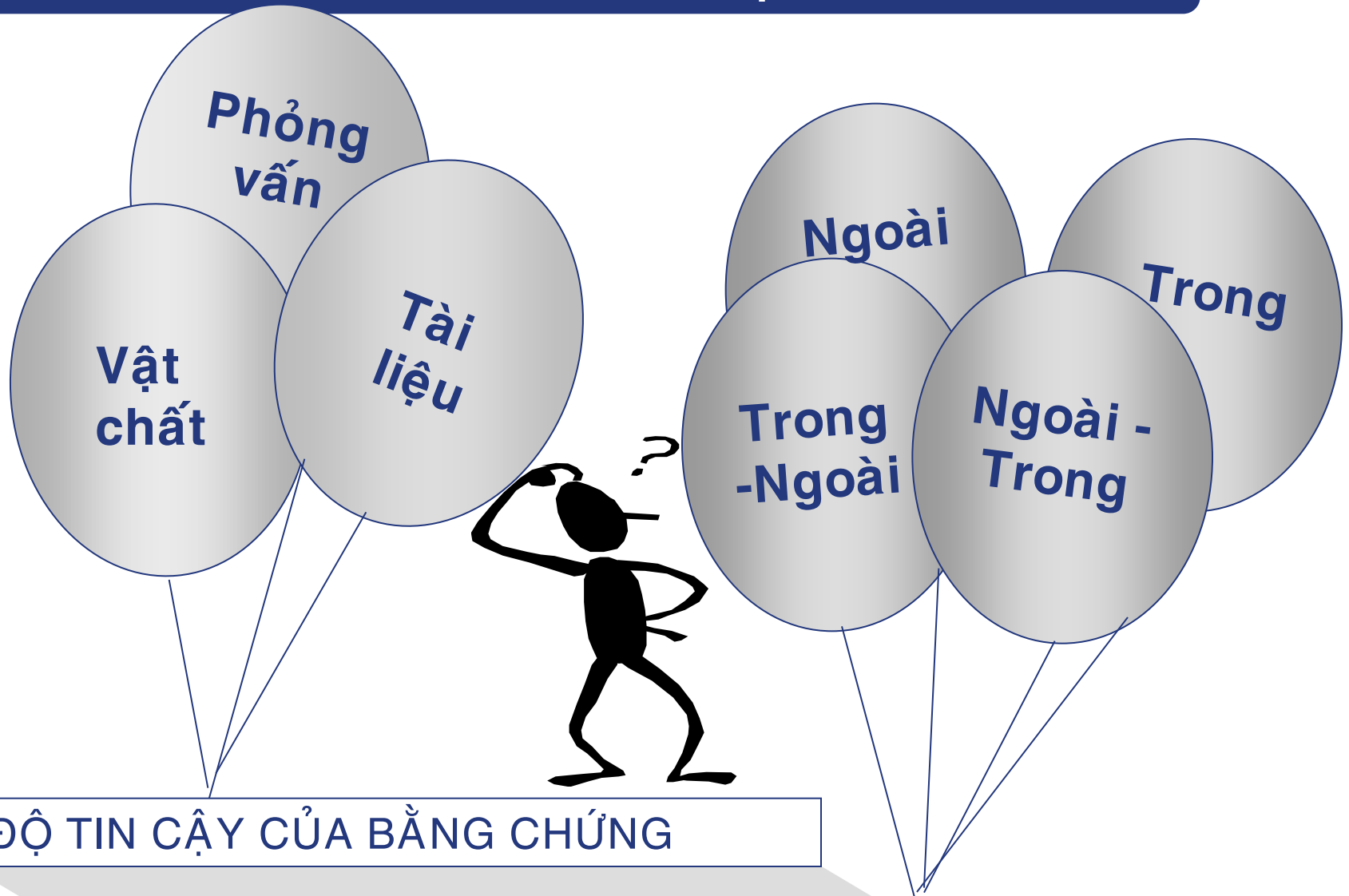
Độ tin cậy

Đầy đủ

Thời gian

Cỡ mẫu

Thích hợp



Thích hợp

Độ tin cậy của bằng chứng

Các nhân tố khác

1. Kiểm soát nội bộ liên quan
2. Hiểu biết về chuyên môn
3. Đặc điểm của vấn đề cần thu thập bằng chứng
4. Sự kết hợp của các bằng chứng

Ví dụ

Mỗi tình huống dưới đây bao gồm một cặp hai bằng chứng kiểm toán. Đối với mỗi tình huống hãy cho biết bằng chứng nào thích hợp hơn. Giải thích.

1. Xác nhận nợ phải thu với đơn vị - Xác nhận nợ phải thu với khách hàng.
2. Kiểm tra vật chất đối với sản phẩm kéo sắt - Kiểm tra vật chất đối với các sản phẩm là thiết bị điện tử.
3. Kiểm tra chứng từ do một nhóm nhân viên thực hiện qua nhiều công đoạn - Kiểm tra chứng từ do một nhân viên thực hiện qua tất cả các công đoạn.
4. Thảo luận về khả năng phải bồi thường của một vụ kiện với công ty luật làm tư vấn pháp lý cho khách hàng - Thảo luận về vấn đề đó với kiểm toán viên của công ty tư vấn pháp lý đó.

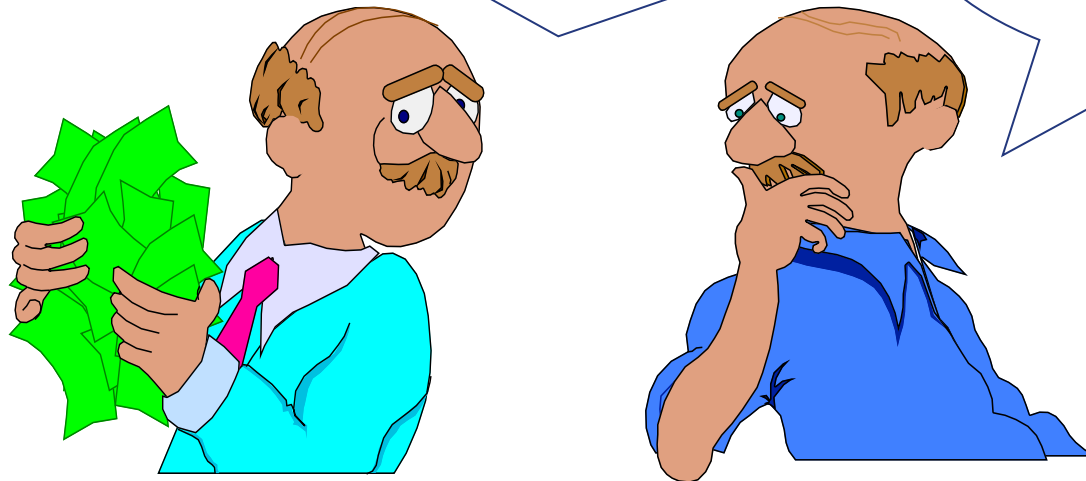
Ví dụ (tt)

5. Xác nhận số dư tiền gửi ngân hàng với Ngân hàng - Xác nhận trữ lượng mỏ dầu với chuyên gia địa chất chuyên về đánh giá trữ lượng mỏ.
6. Xác nhận tiền gửi ngân hàng - Kiểm tra sổ phụ ngân hàng.
7. Kiểm tra vật chất hàng tồn kho được bảo quản bởi một Công ty quản lý kho công cộng - Gửi thư xác nhận về hàng tồn kho đối với công ty quản lý kho đó.

Phù hợp với cơ sở dẫn liệu

Đó không phải là bằng chứng về sự đầy đủ

Tôi đã gửi thư xác nhận nợ

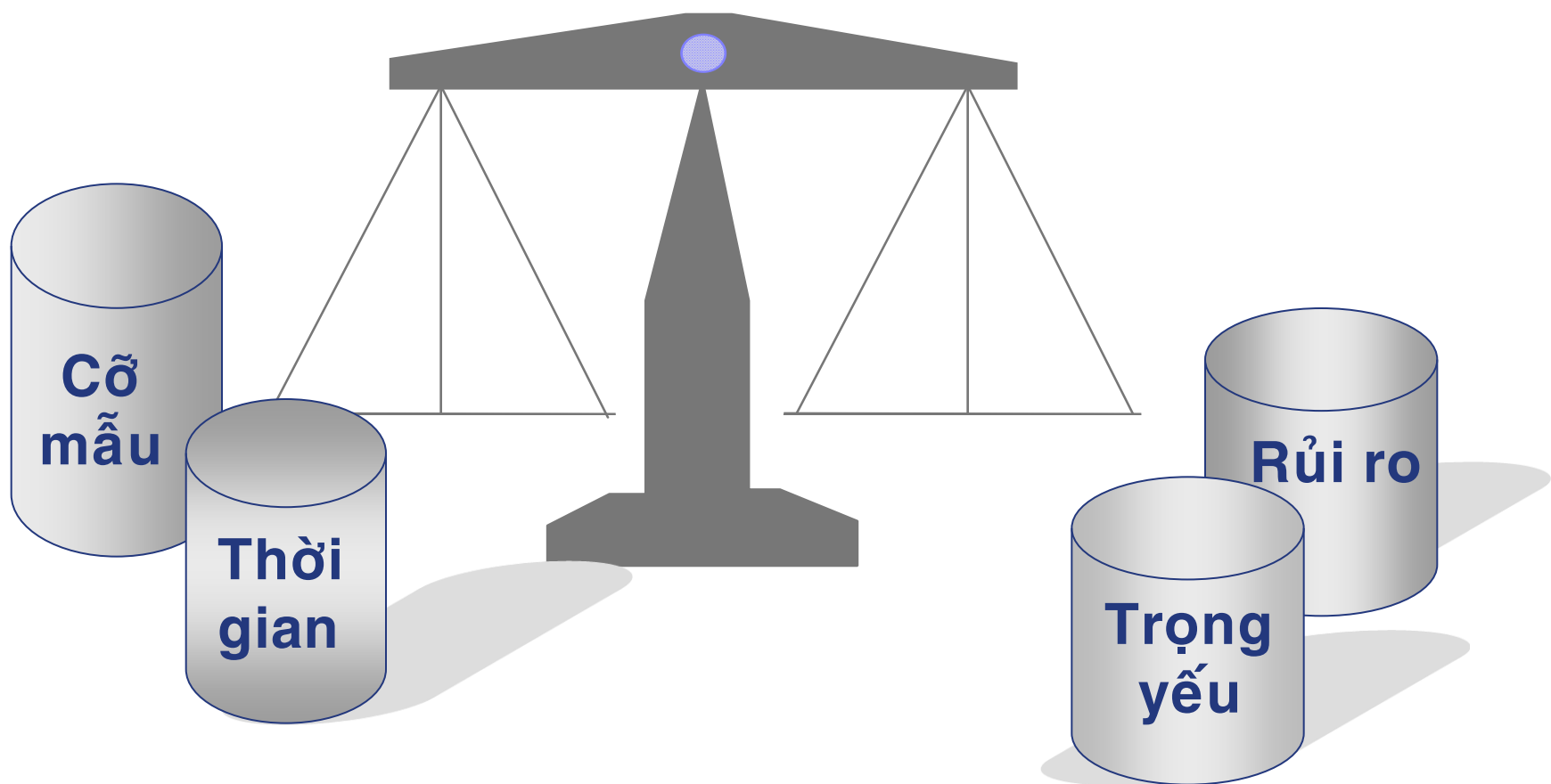


Ví dụ (tt)

	HH	Q-NV	PS	ĐĐ	ĐG- CX	TB-CB
Chứng kiến kiểm kê tài sản cố định trên danh sách						
Gửi thư xác nhận nợ phải thu						
Kiểm tra việc thu tiền sau ngày khóa sổ của NPT						
Kiểm tra chứng từ tăng TSCĐ trong kỳ						

Đầy đủ

Số lượng bằng chứng cần thiết



Tính đầy đủ và thích hợp

Các yếu tố ảnh hưởng

- Sai sót tiềm tàng và khả năng xảy ra ảnh hưởng trọng yếu
- Mức độ huu hiệu của hoạt động kiểm soát rủi ro
- Kinh nghiệm tích lũy từ các cuộc kiểm toán trước đây liên quan tới sai sót tiềm tàng.
- Kết quả thực hiện các thủ tục kiểm soát
- Nguồn gốc và độ tin cậy của thông tin hiện có
- Tính thuyết phục của bằng chứng kiểm toán
- Hiểu biết của KTV về đơn vị, môi trường kinh doanh, KSNB, ...

Các kỹ thuật thu thập bằng chứng

- Kiểm tra vật chất
- Kiểm tra tài liệu
- Quan sát
- Xác nhận từ bên ngoài
- Phỏng vấn
- Tính toán lại
- Thực hiện lại
- Phân tích

Thủ tục phân tích

Các phương pháp phân tích chủ yếu

Phân tích xu hướng (Trend Analysis)

Phân tích tỷ số (Ratio Analysis)

Phân tích dự báo (Expectation Analysis)

Các nguồn dữ liệu cho phân tích

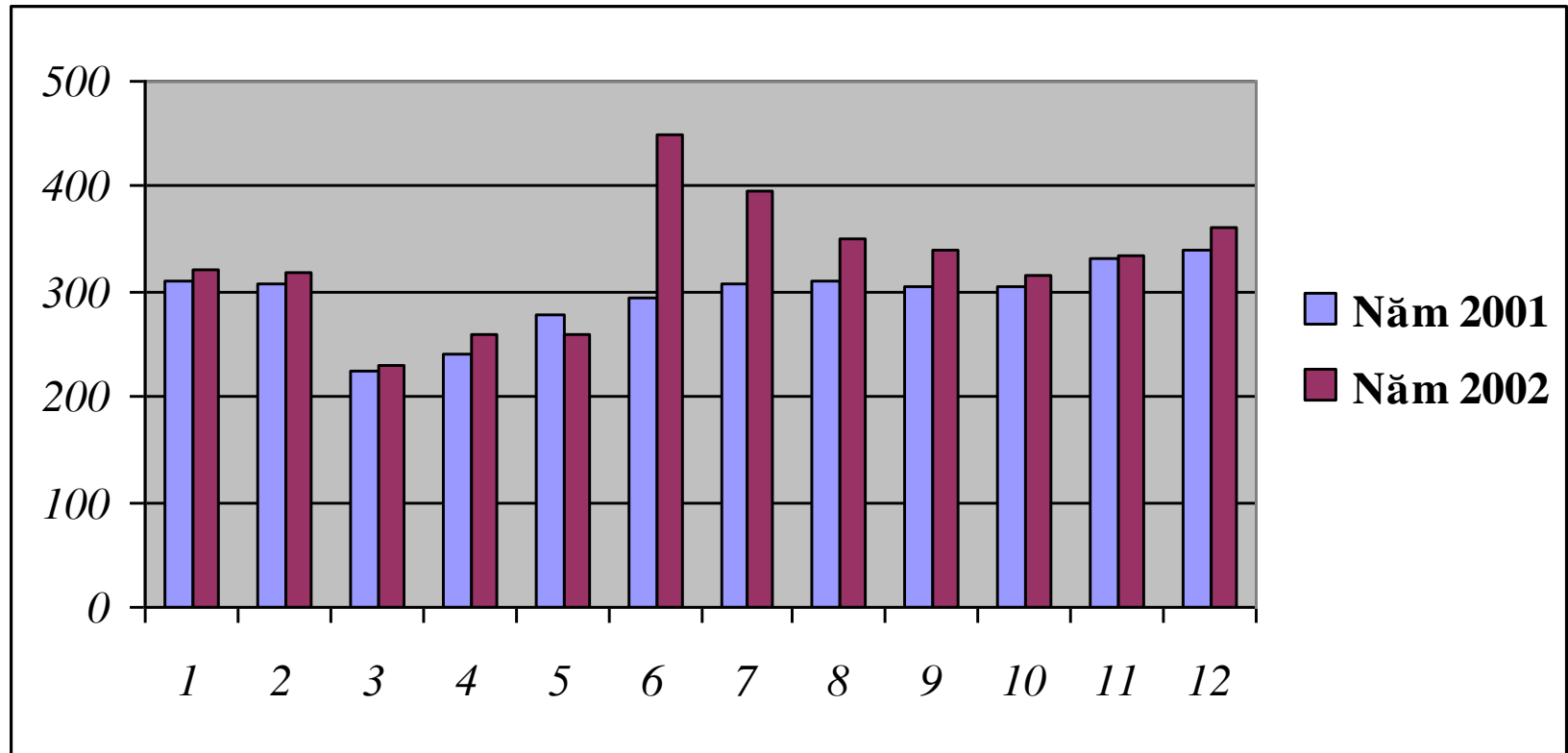
Số liệu kỳ này - kỳ trước

Số liệu thực tế - kế hoạch

Số liệu đơn vị - Bình quân ngành

Số liệu tài chính - Phi tài chính

Phân tích xu hướng



Biểu đồ biến động doanh thu qua các tháng năm 2002, so với 2001. Nhận xét?

Phân tích tỷ số

- ❖ X là một công ty thương mại. Năm nay, tỷ lệ lãi gộp của đơn vị sụt giảm từ 20% xuống còn 14%.
- ❖ Dự đoán các khả năng?
- ❖ Các thủ tục kiểm toán cần thiết?

Thủ tục phân tích

(THÍ DỤ 1)

Trong năm 2008, chi phí lãi vay phải trả theo sổ sách là 390 triệu đồng. Tình hình dư nợ vay như sau (tỷ đồng)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Dư nợ	2	3	4	2	1	4	2	3	2	1	4	8

Lãi suất 20% năm.

Hãy xem xét sự hợp lý của chi phí lãi vay sổ sách.

Dư nợ vay bình quân : 36 tỷ : 12 = 3 tỷ

Chi phí lãi vay hợp lý : 3 tỷ x 20% = 600 triệu

Kết luận : Chi phí lãi vay theo sổ sách là 390 triệu là không hợp lý, cần kiểm tra chi tiết để tìm hiểu nguyên nhân.

Tình huống 1

Sau khi phỏng vấn Ban giám đốc, kiểm toán viên biết đơn vị có một số khoản vay ưu đãi với lãi suất thấp là 10% năm.

Kết quả tính toán lại :

Lãi suất 20% : Dư nợ vay bình quân 1 tỷ, chi phí lãi vay ước tính là 200 triệu

Lãi suất 10% : Dư nợ vay bình quân là 2 tỷ, chi phí lãi vay ước tính là 200 triệu

Tổng chi phí lãi vay ước tính là 400 triệu

Kết luận : Chi phí lãi vay 390 triệu hợp lý

Tình huống 2

Kết quả kiểm tra cho thấy một số khoản chi phí lãi vay của Ngân hàng X chưa ghi chép là 195 triệu .

Sau khi điều chỉnh sai sót này, chi phí lãi vay đã điều chỉnh:
 $390 \text{ triệu} + 195 \text{ triệu} = 585 \text{ triệu}$ thì hợp lý.

THỦ TỤC PHÂN TÍCH (THÍ DỤ 2)

Số liệu năm trước :	<u>Sản phẩm</u>	<u>Doanh thu</u>
	A	20.000
	B	28.000
	Khác	2.000
	<hr/>	<hr/>
	Cộng	50.000

Doanh thu theo báo cáo năm nay : 63.200

Dữ liệu từ bộ phận kinh doanh về tình hình tiêu thụ năm nay

<u>Sản phẩm</u>	<u>Giá bán</u>	<u>Sản lượng</u>
A	Tăng 20%	Tăng 10%
B	Giảm 3%	Tăng 30%
Khác	Tăng từ 1% đến 7%	Tăng từ 10% đến 15%

Doanh thu ước tính năm nay :

Sản phẩm A :

Doanh thu năm trước :	20.000
Tăng lên do sản lượng : (20.000 x 10%)	2.000
Tăng lên do giá bán : (22.000 x 20%)	4.400
Doanh thu ước tính năm nay :	26.400

Sản phẩm B :

Doanh thu năm trước :	28.000
Tăng lên do sản lượng :(28.000 x 30%)	8.400
Giảm do giá bán : (36.400 x3%)	(1.092)
Doanh thu ước tính năm nay :	35.308

Sản phẩm khác :

Doanh thu năm trước :	2.000
Tăng do sản lượng : (2.000 x 12,5%)	250
Tăng do giá bán : (2.250 x 4%)	90
Doanh thu ước tính năm nay :	2.340

Tổng doanh thu ước tính năm nay : **64.048**

Doanh thu theo báo cáo năm nay : **63.200**

Chênh lệch :

848

Thủ tục phân tích

(THÍ DỤ 3)

Chi phí hoa hồng kế hoạch 20x1 :	12.000
Chi phí hoa hồng thực tế 20x1 :	<u>17.000</u>
Chênh lệch :	5.000

? Phương pháp xác định chi phí kế hoạch

$$\begin{array}{rcl} \text{Hoa hồng KH} & = & \text{Tỷ lệ hoa hồng bình quân 20x0} \times \text{Doanh thu dự kiến} \\ & = & 1,2\% \quad \times \quad 1.000.000 \end{array}$$

? Các thay đổi trong điều kiện (doanh thu, chính sách hoa hồng)

Doanh thu thực tế : 1.100.000

Chính sách hoa hồng không đổi (Sản phẩm A : 2%. Sản phẩm B 1%).

—————> Phải xem xét cơ cấu doanh thu

Chi phí hoa hồng thực tế ước tính :

1. Tỷ lệ hoa hồng bình quân thực tế :

Sản phẩm	Tỷ lệ hoa hồng	Cơ cấu doanh thu 'x0	Tỷ lệ hoa hồng bình quân 'x0	Cơ cấu doanh thu 'x1	Tỷ lệ hoa hồng bình quân 'x1
A	2%	20%	0,4%	60%	1,2%
B	1%	80%	0,8%	40%	0,4%
Cộng		100%	1,2%	100%	1,6%

2. Chi phí hoa hồng ước tính :

$$1,6\% \times 1.100.000 = 17.600$$

$$\text{Chênh lệch so với sổ sách : } 17.600 - 17.000 = 600$$

Kết luận : Chi phí hoa hồng 17.000 là hợp lý

Mức tin cậy của thủ tục phân tích

- Tính trọng yếu của các tài khoản.
- Các thủ tục kiểm toán khác có cùng mục tiêu kiểm toán.
- Đánh giá rủi ro tiềm tàng & rủi ro kiểm soát.
- Độ chính xác có thể dự kiến của quy trình.

Một số bằng chứng kiểm toán đặc biệt

- ❖ Tư liệu của chuyên gia
- ❖ Giải trình của giám đốc
- ❖ Tư liệu của kiểm toán nội bộ
- ❖ Tư liệu của các kiểm toán viên khác
- ❖ Bằng chứng về các bên liên quan
- ❖ Bằng chứng trong kiểm toán năm đầu tiên

Nội dung

- Bảng chứng kiểm toán
- Phương pháp lựa chọn các phần tử thử nghiệm
- Hồ sơ kiểm toán

Phương pháp lựa chọn các PTTN

- Chọn toàn bộ
- Lựa chọn các phần tử đặc biệt
- Lấy mẫu kiểm toán

Phương pháp lựa chọn các PTTN

Chọn toàn bộ

- Kiểm tra 100% các phần tử cấu thành một số dư hay một loại nghiệp vụ.
- Thích hợp trong các trường hợp:
 - Tổng thể có ít phần tử nhưng giá trị của các phần tử lớn
 - Rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát đều rất cao
 - Thực hiện bằng máy

Phương pháp lựa chọn các PTTN

Lựa chọn các phần tử đặc biệt

- Kiểm tra <100% các phần tử cấu thành một số dư hay một loại nghiệp vụ.
- Thích hợp trong các trường hợp:
 - Các phần tử có giá trị lớn hoặc quan trọng
 - Các phần tử có giá trị từ một số tiền nào đó trở lên
 - Các phần tử thích hợp cho mục đích thu thập thông tin
 - Các phần tử thích hợp cho mục đích kiểm tra các thủ tục

Phương pháp lựa chọn các PTTN

Lấy mẫu kiểm toán

- Kiểm tra <100% các phần tử cấu thành một số dư hay một loại nghiệp vụ.
- Mọi phần tử đều có cơ hội để được lựa chọn
- Lấy mẫu thống kê và lấy mẫu phi thống kê
- Rủi ro lấy mẫu và rủi ro ngoài lấy mẫu

Lấy mẫu kiểm toán

Lấy mẫu thống kê

- Dựa vào lí thuyết thống kê để đánh giá kết quả
- Đòi hỏi các phần tử được lựa chọn vào mẫu ngẫu nhiên

—————> **Phụ thuộc vào xét đoán nghề nghiệp**

Lấy mẫu phi thống kê

- Dựa vào xét đoán của kiểm toán viên
- Không đòi hỏi lựa chọn mẫu ngẫu nhiên

Lấy mẫu kiểm toán

Rủi ro lấy mẫu

- Kết luận của KTV dựa trên mẫu khác với dựa trên tổng thể

→ **Yêu cầu : mẫu phải đại diện cho tổng thể**

Rủi ro ngoài lấy mẫu

- KTV kết luận sai vì những nguyên nhân không liên quan tới cỡ mẫu

Lấy mẫu kiểm toán

- Thiết kế mẫu
- Xác định cỡ mẫu
- Lựa chọn các phần tử của mẫu
- Thực hiện các thủ tục kiểm toán
- Xem xét bản chất và nguyên nhân của sai sót
- Dự đoán sai sót của tổng thể
- Đánh giá kết quả

Nội dung

- Bằng chứng kiểm toán
- Phương pháp lựa chọn các phần tử thử nghiệm
- **Hồ sơ kiểm toán**

Hồ sơ kiểm toán

❖ Khái niệm :

“Là các tài liệu do kiểm toán viên lập, thu thập, phân loại, sử dụng và lưu trữ”

(VSA230)

❖ Phân loại:

- Hồ sơ kiểm toán chung
- Hồ sơ kiểm toán năm/ hiện hành

Hồ sơ kiểm toán

❖ Vai trò:

- Lưu trữ bằng chứng, làm cơ sở đưa ra ý kiến của KTV
- Trợ giúp lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện kiểm toán
- Trợ giúp kiểm tra, soát xét và đánh giá chất lượng kiểm toán.
- Xử lý các phát sinh sau cuộc kiểm toán

Hồ sơ kiểm toán

❖ Yêu cầu:

- Đề mục rõ ràng
- Có đầy đủ chữ kí của KTV
- Chú thích đầy đủ
- Đầy đủ, chính xác, thích hợp
- Trình bày dễ hiểu và rõ ràng
- Sắp xếp khoa học

Hồ sơ kiểm toán

Phần quản lý kiểm toán

Phần hiểu biết về thông tin khách hàng

Phần kiểm toán các khoản mục trên BCTC

Phần thông tin về các vấn đề khác

Hồ sơ kiểm toán

Phần quản lý kiểm toán

- Xét duyệt và kiểm soát chất lượng kiểm toán
- Bảng CĐTK và BCTC
- Tổng hợp phát hiện của KTV
- Kế hoạch kiểm toán
- Các trao đổi với BGD và các đối tượng liên quan

Hồ sơ kiểm toán

Phần hiểu biết về thông tin khách hàng

- Môi trường kiểm soát của khách hàng
- Độ tin cậy của các thông tin do khách hàng cung cấp
- Hệ thống thông tin và ứng dụng CNTT của khách hàng

Hồ sơ kiểm toán

Phần kiểm toán các khoản mục trên BCTC

- Biểu chỉ đạo
- Các biểu cơ sở
 - ✓ Biểu liệt kê chi tiết
 - ✓ Biểu phân tích theo nghiệp vụ
 - ✓ Biểu chỉnh hợp/ biểu điều hòa
 - ✓ Biểu tính toán
 - ✓ Các tài liệu minh chứng